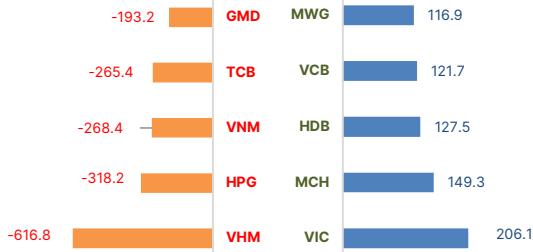


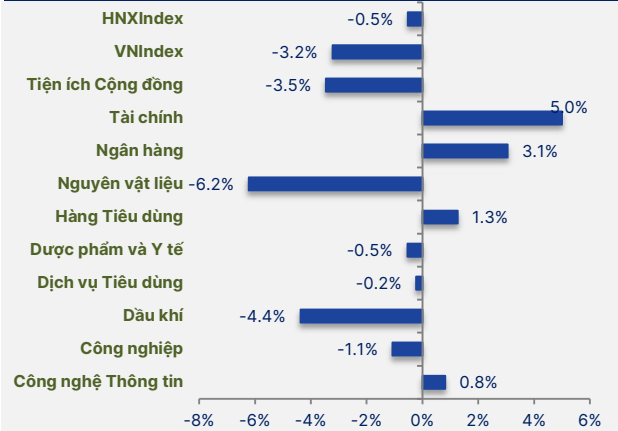
Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,862.08	↓ -0.5%	307.57	↓ -3.2%
KLGD (trCP)	3,096.76	↓ -0.9%	283.32	↑ 14.6%
GTGD (tỷ VND)	87,170.41	↓ -9.3%	4,982.94	↑ 17.3%

Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

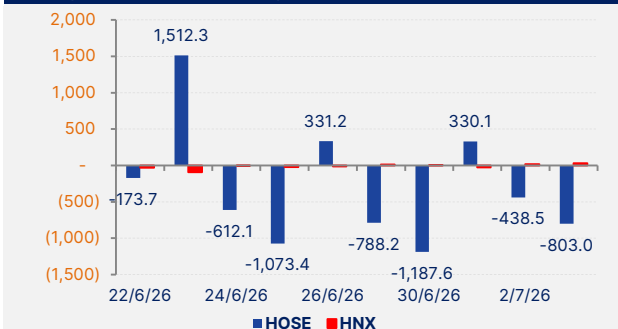


GT Bán: (9,585.47) 6,698.30 : GT Mua

Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua/bán ròng của NĐTNN (tỷ VND)



Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

VNINDEX sau 02 tuần phục hồi, tăng điểm và chịu áp lực bán ở vùng đỉnh cũ quanh 1.900 điểm. Thị trường đã có tuần chuyển giao quý II và quý III/2026 biến động trong biên độ hẹp, chịu áp lực điều chỉnh nhẹ. VNINDEX đầu tuần chịu áp lực điều chỉnh về quanh 1.850 điểm, tăng điểm nhẹ trong 02 phiên tiếp theo và chịu áp lực điều chỉnh trong 02 phiên cuối tuần. Kết tuần VNINDEX giảm -0,53% về mức 1.862,08 điểm, dưới vùng đỉnh lịch sử 1.900 điểm - 1.930 điểm. VN30 kết tuần giảm nhẹ - 0,30% về mức 2.002,56 điểm, trên hỗ trợ tâm lý 2.000 điểm.

Độ rộng thị trường trong tuần phân hóa, nghiêng về tiêu cực. Tăng giá khá nổi bật ở các cổ phiếu chứng khoán vốn hóa trung bình, nhỏ; phục hồi ở nhóm ngân hàng, hàng không, cao su, công nghệ... Trong khi đa số chịu áp lực điều chỉnh ở các mã bất động sản, xây dựng, thủy sản, bảo hiểm, thép, điện, nông nghiệp... Thanh khoản trong tuần giảm, khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với tuần trước. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trong tuần này với giá trị -2.887 tỷ đồng HOSE.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411G7000 kết phiên ở mức 2.009,0 điểm, giảm -0,04% so với phiên trước. Chênh lệch dương mở rộng lên 6,44 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 411G8000, 411G9000, 411GC000 chênh lệch dương từ 2,94 điểm đến 8,04 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch tăng 2,9% so với phiên trước. Các trader tăng các vị thế đầu cơ trong phiên, khá lạc quan về xu hướng ngắn hạn của VN30. Vẫn ưu tiên xem xét phòng ngừa rủi ro khi VN30 gặp các vùng kháng cự. Xu hướng ngắn hạn 411G7000 tích lũy, vùng kháng cự quanh 2.040 điểm, hỗ trợ tâm lý 2.000 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411G7000 là 28.548, giảm mạnh các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VNINDEX duy trì tích lũy với biên độ hẹp trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.850 điểm, dưới đường xu hướng nổi 02 đỉnh tháng 5/2026_1930+- và đỉnh tháng 6/2026_1900+- . Đây là kháng cự mạnh, vùng đỉnh lịch sử và chưa có dự báo VNINDEX có thể vượt qua. Chỉ số VNINDEX chịu ảnh hưởng lớn từ các cổ phiếu Vin Group. Các cổ phiếu này cũng đang tích lũy, chịu áp lực bán ở vùng đỉnh cũ. Cần có động lực tăng trưởng vượt trội mới có thể kỳ vọng vượt qua được vùng đỉnh cũ tháng 5/2026. VNINDEX ngắn hạn cũng đang đi đến giai đoạn khá quan trọng, có thể suy yếu nếu không giữ được vùng hỗ trợ ngắn hạn, hoặc tiếp tục tăng trưởng tích cực khi vượt lên kháng cự đường xu hướng điều chỉnh, tích lũy sau khi tạo đỉnh trong tháng 5/2026.

Thị trường chung dưới ảnh hưởng của các cổ phiếu vốn hóa lớn đang trong giai đoạn tích lũy, chờ cập nhật yếu tố cơ bản, kết quả kinh doanh quý II/2026 của doanh nghiệp để có kế hoạch tái cơ cấu danh mục và đánh giá các cơ hội đầu tư mới. Hiện tại chất lượng thị trường vẫn đang cải thiện, nhà đầu tư đang tìm kiếm cơ hội đầu tư ở các doanh nghiệp chất lượng tốt, tăng trưởng có các mức định giá cơ bản thấp hơn nhiều so với thị trường chung. Dựa trên kết quả GDP 06 tháng đầu năm 2026 tăng trưởng tốt, đạt 8,18%, mức cao nhất trong 02 thập kỷ; kỳ vọng tăng trưởng mạnh trong giai đoạn cuối năm. Nâng hạng thị trường trong cuối quý III, kỳ vọng khối ngoại ngắt mạch bán ròng. Vốn hóa thị trường vẫn tương đối hấp dẫn so với qui mô nền kinh tế, tăng trưởng GDP.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng hỗ trợ tăng trưởng (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Giao dịch (GD)	FA Rank	TA Rank
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận			
PAN	22.80	24.0	27-28	23.0	5.0	-8.6%	443.5%	Theo dõi GD	69	32
PVD	32.55	32.0	35-36	30.0	15.2	126.3%	100.3%	Theo dõi GD	65	65
TTA	11.45	11.0	12.5-13	10.0	8.2	15.7%	39.6%	Theo dõi GD	73	67
POW	14.90	14.0	17-17.5	13.5	13.3	51.3%	169.5%	Theo dõi GD	60	77
TCB	33.60	33.0	36.5-37.5	31.0	9.1	36.9%	12.2%	Theo dõi GD	83	64
BVH	62.30	62.0	76-78	61.0	15.7	-1.6%	19.0%	Theo dõi GD	69	32
SCS	49.25	47.0	61-63	46.0	6.7	2.1%	2.0%	Theo dõi GD	92	8
BVS	31.90	30.0	32-34	29.0	11.3	58.2%	-49.1%	Theo dõi GD	68	58

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

Xu Hướng	Thông Số	Bất Động Sản	Cảng- Vận tải	Cao Su TN	Chứng Khoán	Công Nghệ- Viễn thông	Dầu Khí	Dệt May- Da Giày	Khu Công Nghiệp
Trung dài hạn		Tang Truong	Điều Chỉnh	Tích Luy	Điều Chỉnh	Điều Chỉnh	Tang Truong	Suy Giảm	Tích Luy
Ngắn trung hạn		Tích Luy	Tích Luy	Suy Giảm	Tang Truong	Tích Luy	Suy Giảm	Tích Luy	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn		Duong_Giam	Tích Luy	Am_Giam	Tích Luy	Am_Giam	Am_Giam	Am_Tang	Am_Giam
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		-325.5	-116.5	316.9	-283.7	194.8	307.5	131.0	294.4
Tương quan- VNINDEX		Không đổi- Mạnh hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP		VIC	PHP	TRC	PSI	VTK	POW	PTG	PHR
		VHM	DVP	PHR	WSS	VGI	PVD	TET	LHG
Xu Hướng	Thông Số	Bảo Hiểm	Bán Lẻ	Thép	Thủy Sản	Xây Dựng- VLXD	Ngân Hàng	Phân Bón- Hóa Chất	Hàng Không
Trung dài hạn		Tang Truong	Suy Giảm	Điều Chỉnh	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn		Suy Giảm	Tích Luy	Suy Giảm	Tích Luy	Điều Chỉnh	Tang Truong	Phục Hồi	Tang Truong
Dòng tiền trung hạn		Tích Luy	Am_Tang	Am_Giam	Am_Tang	Am_Giam	Money_in	Am_Tang	Tích Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		295.8	-51.4	252.2	-32.8	69.8	-252.2	237.2	-319.5
Tương quan- VNINDEX		Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi- Mạnh hơn	Không đổi- Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP		PRE	PET	TVN	SEA	VLB	ABB	SFG	SAS
		BVH	PSD	POM	VHC	BMP	OCB	NFC	AST
Xu Hướng	Thông Số	Điện	Nông Nghiệp	Dược	VNIndex	VN30	HNXIndex	UPCOM	% Ngành tăng
Trung dài hạn		Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Tang Truong	Tang Truong	Tang Truong	39
Ngắn trung hạn		Tích Luy	Tích Luy	Phục Hồi	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tang Truong	17
Dòng tiền trung hạn		Am_Giam	Am_Tang	Am_Giam	Am_Giam	Tích Luy	Duong_Tang	Money_in	9
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		257.7	44.1	317.3	-299.1	-275.8	-19.1	-204.5	30
Tương quan- VNINDEX		Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	61	Yếu hơn-Mạnh hơn	Tốt hơn- Mạnh hơn	Yếu hơn- Mạnh hơn	
Cổ phiếu TOP		POW	SBT	DBT					
		TTA	NAF	DP3					

TIN NỔI BẬT

GDP quý 2/2026 tăng trưởng 8,39%

Theo báo cáo của Cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 2/2026 tăng trưởng khá, với tốc độ tăng ước đạt 8,39% so với cùng kỳ năm trước. GDP sáu tháng đầu năm 2026 tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ 2025 tăng 7,63%)

Cụ thể, trong quý 2/2026 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,06%, đóng góp 5,65% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,51%, đóng góp 50,07%; khu vực dịch vụ tăng 7,87%, đóng góp 44,28%. GDP sáu tháng đầu năm 2026 tăng 8,18% so với cùng kỳ 2025. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, đóng góp 5,66%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,81%, đóng góp 47,20%; khu vực dịch vụ tăng 8,09%, đóng góp 47,14%.

Theo số liệu của Cục Thống kê. Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng Sáu ước đạt 205 ngàn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước sáu tháng đầu năm 2026 ước đạt 1.568,2 ngàn tỷ đồng, bằng 62% dự toán năm và tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước.

Ngân sách Nhà nước bội thu hơn 419 ngàn tỷ đồng trong sáu tháng đầu năm 2026

Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng Sáu ước đạt 292,3 ngàn tỷ đồng. Lũy kế sáu tháng đầu năm 2026 ước đạt 1.149,1 ngàn tỷ đồng, bằng 36,4% dự toán năm và tăng 0,1% so với cùng kỳ 2025. Chi thường xuyên 730 ngàn tỷ đồng, bằng 40,4% dự toán năm, chiếm 63,5% tổng chi ngân sách Nhà nước, giảm 5,9% so với cùng kỳ 2025; Chi đầu tư phát triển 357,1 ngàn tỷ đồng, bằng 31,9%, chiếm 31,1%, tăng 13,9%; Chi trả nợ lãi 60,2 ngàn tỷ đồng, bằng 49,97%, chiếm 5,2% và tăng 8,1%

Việt Nam nhập siêu 16,65 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2026

Sáu tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 549,69 tỷ USD, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ tăng nhập khẩu cao hơn xuất khẩu cho thấy nhu cầu đầu vào của nền kinh tế tiếp tục mở rộng, đồng thời phản ánh sự phục hồi mạnh của hoạt động sản xuất, đặc biệt tại khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 16,65 tỷ USD.

Trong quý 2/2026, kim ngạch xuất khẩu đạt 143,6 tỷ USD, tăng 22,7% so với cùng kỳ 2025 và tăng 16,8% so với quý 1/2026. Tính chung sáu tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 266,52 tỷ USD, tăng 21,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý 2/2026, kim ngạch nhập khẩu đạt 156,6 tỷ USD, tăng 39,1% so với cùng kỳ 2025 và tăng 23,7% so với quý 1/2026. Tính chung sáu tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 283,17 tỷ USD, tăng 33,4% so với cùng kỳ 2025

Tại Hội báo thông tin kết quả hoạt động ngân hàng 6 tháng đầu năm 2026, trước câu hỏi của báo chí về việc liệu NHNN có đánh đổi rủi ro để lấy tăng trưởng, ông Phạm Chí Quang, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, cho biết Chính phủ và NHNN rất quan tâm đến tăng trưởng tín dụng, bởi đây là “mạch máu” của nền kinh tế.

NHNN nói về việc loại trừ 18 dự án trọng điểm khỏi room tín dụng

“Đây là các dự án trọng điểm quốc gia, có tính lan tỏa vùng rộng, tác động đến nền kinh tế”. Theo ông Quang, 18 dự án của 3 tập đoàn, cũng như những chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà cho thuê, bất động sản khu công nghiệp, khu chế xuất... là động lực tạo thêm tổng cầu và cải thiện tổng cung cho tăng trưởng GDP. Do đó, NHNN quyết định không tính dư nợ room tín dụng để đảm bảo doanh nghiệp an tâm đầu tư vào các dự án trọng điểm quốc gia.

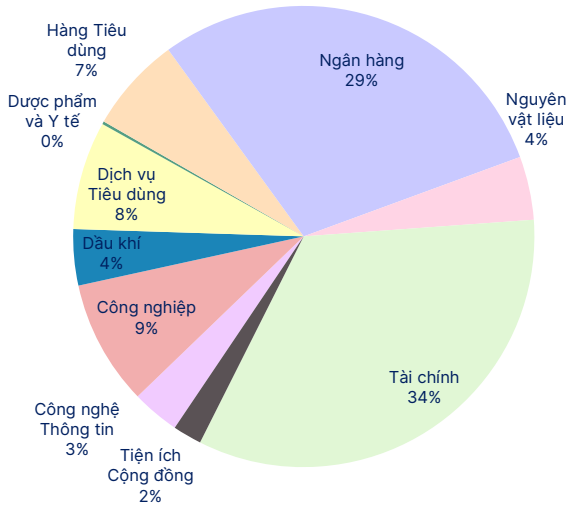
Vàng thế giới tăng hơn 2% sau báo cáo việc làm của Mỹ

Giá vàng tăng mạnh trong phiên 02/07 sau khi báo cáo việc làm của Mỹ yếu hơn dự báo làm giảm kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ tiếp tục nâng lãi suất trong năm nay. Giá vàng giao ngay tăng 2,2% lên 4.117,63 USD/ounce, trong khi hợp đồng vàng tương lai giao tháng 8 tăng 1,2% lên 4.130,10 USD/ounce.

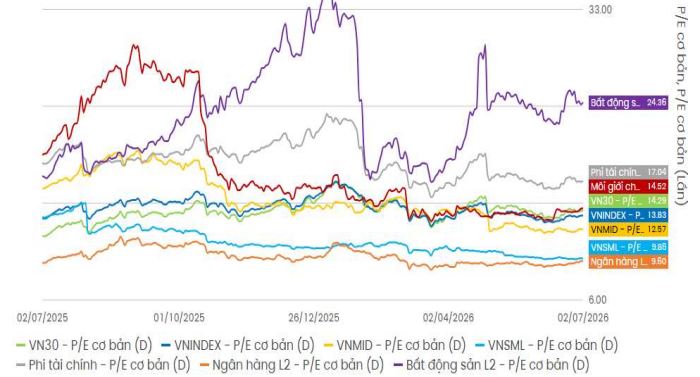
Theo Bộ Lao động Mỹ, nền kinh tế chỉ tạo thêm 57.000 việc làm trong tháng 6, thấp hơn nhiều so với dự báo 110.000 việc làm của các chuyên gia. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp ở mức %, Sau các số liệu này, thị trường hiện chỉ còn định giá khoảng 51% khả năng Fed tăng lãi suất vào tháng 9, giảm từ 66% trước khi báo cáo việc làm được công bố, theo công cụ CME FedWatch.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

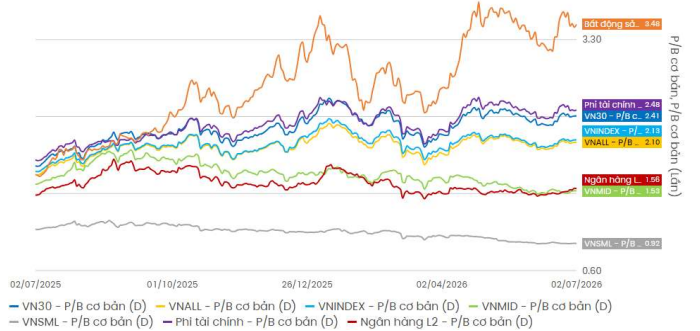
Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Định giá Thị trường: P/E



Định giá Thị trường: P/B



Top Vốn hóa

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	1,697,639	7.4%	1,468	150.1	11.2
VHM	617,755	17.8%	10,200	14.7	2.5
VCB	518,887	16.1%	4,301	14.4	2.2
BID	309,767	17.8%	4,393	9.7	1.6
CTG	266,018	21.7%	4,906	7.0	1.4

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	259,246,607	18.1%	2,599	5.3	0.9
VIX	154,531,016	25.6%	3,013	5.6	1.3
HCM	128,492,694	10.0%	1,379	21.0	2.2
VPB	109,100,401	15.5%	3,314	8.4	1.2
HPG	94,443,754	12.6%	1,830	12.8	1.4

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TPC	↑ 32.21%	2.8%	413	25.3	0.9
SVC	↑ 17.61%	17.2%	4,802	3.9	0.6
VPS	↑ 14.88%	6.7%	957	9.7	0.6
VDS	↑ 14.80%	7.8%	872	17.1	1.3
LM8	↑ 13.85%	5.3%	1,724	9.8	0.5

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HAS	↓ -17.36%	-2.9%	-473	-	0.5
PTL	↓ -14.29%	2.4%	121	19.0	0.5
ACC	↓ -10.57%	3.8%	496	23.0	0.9
SGT	↓ -8.72%	14.8%	2,249	6.1	0.8
PNJ	↓ -7.56%	23.1%	5,554	11.4	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	4,825,992	23.2%	3,545	7.5	1.6
VND	3,082,652	10.6%	1,435	12.5	1.3
PVD	2,818,400	6.3%	1,864	17.6	1.1
VCB	1,953,894	16.1%	4,301	14.4	2.2
HVN	1,874,500	0.0%	2,907	8.2	11.0

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	(13,599,573)	12.6%	1,830	12.8	1.4
TCB	(7,861,722)	14.7%	3,676	9.2	1.3
MBB	(6,069,768)	20.1%	3,442	7.5	1.4
FUEKIV30	(4,885,401)	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	(4,865,625)	26.6%	4,505	12.3	3.4

LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

Mã CK	Ngày thực hiện với Niêm yết Ngày GDKHQ với Cổ tức, thưởng, phát hành thêm & ĐHCD	Loại Sự Kiện
CDC	6/7/2026	Giao dịch bổ sung - 50.915.661 CP
DAG	6/7/2026	Giao dịch bổ sung - 375.000 CP
DBC	6/7/2026	Giao dịch bổ sung - 46.179.832 CP
DSC	6/7/2026	Giao dịch bổ sung - 1.465.110 CP
TCX	6/7/2026	Giao dịch bổ sung - 462.313.307 CP
TST	6/7/2026	Đưa cổ phiếu vào diện Cảnh báo và hạn chế giao dịch
VNF	6/7/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
GMC	6/7/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
QNT	6/7/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026
LMI	7/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP
DMN	7/7/2026	Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:4
SSN	7/7/2026	Hủy niêm yết cổ phiếu
STL	7/7/2026	Hủy niêm yết cổ phiếu
CCI	7/7/2026	Giao dịch bổ sung - 5.806.482 CP
IBD	8/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP
VDN	8/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 4.000 đồng/CP
TVT	8/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
HDG	8/7/2026	Giao dịch bổ sung - 36.994.298 CP
ABB	9/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15
TMP	9/7/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 2.000 đồng/CP
BWS	9/7/2026	Trả cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
CDP	9/7/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 500 đồng/CP
STK	9/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1
GVT	9/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 3.000 đồng/CP
TA9	9/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:1405
CTR	9/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.500 đồng/CP
CTR	9/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12
ADP	9/7/2026	Trả cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền, 700 đồng/CP
DCM	9/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2.000 đồng/CP
DNE	9/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 600 đồng/CP
SAV	9/7/2026	Giao dịch bổ sung - 1.301.240 CP
UDL	9/7/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026
FHS	10/7/2026	Trả cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền, 800 đồng/CP
FHS	10/7/2026	Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:4
TAL	10/7/2026	Giao dịch bổ sung - 143, CP
HVT	10/7/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám Đốc Trung tâm Phân Tích
Ngô Thế Hiển
Hien.nth@shs.com.vn

Trưởng BP Chiến lược Thị trường
Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội
Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, TP.HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, Phường Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn